TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức và bà Dương Triết Minh.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang: ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1976.

- Bị đơn: ông Lê Minh C, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: tổ 2 ấp T, xã O, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà với ông Lê Minh C bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là xã O, tỉnh An Giang). Từ khi bắt đầu sống chung giữa bà với ông C đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông C thường xuyên ăn chơi, bài bạc, gái gú. Bà đã nhiều lần muốn ly hôn nhưng do gia đình ngăn cản và do còn thương con nên bà cam chịu tiếp tục sống chung. Thời gian sau này ông C thường xuyên ăn nhậu về chửi bới, đánh bà. Ngoài ra ông C còn ghen tuông vô cớ, bạo hành tinh thần làm bà bị tổn thương. Năm 2018 bà có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn để xin ly hôn với ông C, tuy nhiên Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu. Từ năm 2018 cho đến nay bà còn sống chung

với ông C là vì thương con, tình cảm đối với ông C không có. Nay con cái đã lớn, bà không thể tiếp tục chung sống được nữa nên quyết định gửi đơn ly hôn.

Nay bà H yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích H xin được ly hôn với ông Lê Minh C.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Như N sinh ngày 20/12/1996 và Lê Nhựt H sinh ngày 29/4/2003. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Minh C trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị Bích H chung sống với nhau năm 1993. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi cưới vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc. Vào ngày 28/8/2024 âm lịch khi ông đi làm về thì thấy bà H đã bỏ nhà đi, ông có hỏi con thì con nói mẹ đi làm. Ông có điện thoại nhưng không được, bà H chặn hết mọi liên lạc. Ông hỏi thăm thì biết bà H lên Bình Dương, ông có lên tìm gặp và kêu về nhưng bà H không đồng ý. Đến tết năm 2025 bà H có về, sau khi ăn tết xong bà H tiếp tục lên Bình Dương, khoảng 02 tuần sau thì quay về ở cho đến nay. Từ khi về vợ chồng không có chuyện gì xảy ra. Tuy nhiên từ khi đó bà H thường xuyên gọi điện cho ai đó vào ban đêm, ông không hài lòng và có khuyên nhưng bà H không nghe. Ngày 14/4/2024, bà H tiếp tục gọi điện nói chuyện cho đến khuya, ông có xô cửa vô phòng và giựt điện thoại đập, bà H lao vào cắn ông vào tay, ông có đánh lại bà H mới buông ra. Bà H lấy cánh cửa tủ kiếng đánh ông vào lưng gây thương tích. Sau đó bên bà H có gọi Công an xã đến để giải quyết, Công an cũng khuyên giải rồi cho về. Từ ngày đó đến nay ông cố gắng nói chuyện nhưng bà H không nói gì và nay thì gửi đơn xin ly hôn.

Nay ý kiến của ông C như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: ông C không đồng ý ly hôn với bà H vì con trai út còn đi học, đợi con học xong đại học bà H muốn giải quyết như thế nào ông cũng đồng ý.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Như N sinh ngày 20/12/1996 và Lê Nhựt H sinh ngày 29/4/2003. Các con đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng

cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Lê Minh C.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Như N sinh ngày 20/12/1996 và Lê Nhựt H sinh ngày 29/4/2003. Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn". Bị đơn ông Lê Minh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã O, tỉnh An Giang. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Minh C chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là xã O, tỉnh An Giang); được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 20/6/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị bà Nguyễn Thị Bích H, thấy: theo biên bản xác minh ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang thể hiện nội dung "quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng bà H, ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C ăn nhậu say xỉn, đánh đập bà H nhiều lần, có lần bà H phải nhập viện điều trị và sự việc cũng được

Công an xã mời làm việc". Ngoài ra theo "Tờ tự khai" ngày 26/5/2025 gửi Tòa án chị Lê Thị Như N, anh Lê Nhựt H (là con chung của bà H và ông C) cũng trình bày quá trình sống chung giữa bà H và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông C thường xuyên vô cớ nhiều lần đánh đạp bà H dẫn đến bị tổn thương về tinh thần và thể xác. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C cũng thừa nhận trong thời gian sống chung ông có đánh đập bà H, ngoài ra trước đây trước ông cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đã được bà H tha thứ.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa bà H và ông C kéo dài đã làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Quá trình sống chung ông C thường xuyên đánh đập bà H làm cho bà H ngày càng không còn tình cảm với ông C. Về lý do không đồng ý ly hôn, ông C cho rằng đợi con học xong đại học bà H muốn giải quyết như thế nào ông cũng đồng ý, tuy nhiên đó không phải là giải pháp hàn gắn lại quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử cũng đã động viên, giải thích cho bà H nên đoàn tụ lại để hàn gắn tình cảm nhưng bà H kiên quyết ly hôn và cho rằng không thể tiếp tục sống chung với ông C được nữa nên không đồng ý hàn gắn. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông C không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.3] Về quan hệ con chung, thấy: có 02 con chung tên Lê Thị Như N sinh ngày 20/12/1996 và Lê Nhựt H sinh ngày 29/4/2003. Các con đã trưởng thành.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang là có căn cứ.

[4] Về án phí: bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Lê Minh C.

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Như N sinh ngày 20/12/1996 và Lê Nhựt H sinh ngày 29/4/2003. Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chungvà nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021882 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (này là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – An Giang) nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Minh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- UBND xã O;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm